

Bản án số: 53/2025/HS-PT

Ngày: 22/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N do có kháng cáo của các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Lê Trung K, sinh ngày 24/4/1995 tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: số F đường P, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: số B đường T, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Song L; có vợ tên Nguyễn Kim N1 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2022, nhỏ nhất sinh năm 2024); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2016, đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/8/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực thành phố S thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh S. (có mặt)

2. Lương Hoàng N, sinh ngày 02/4/1990 tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: số E đường L, Khóm D,

Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn D và bà Lê Thị C; có vợ tên Vũ Ánh H1 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/7/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực thành phố S thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh S. (có mặt)

Ngoài ra còn có 08 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Hoàng N:* Ông Nguyễn Khánh T – Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. Địa chỉ: Số E, đường P, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm:* Người làm chứng ông Nguyễn Lý S, ông Phùng Huy Đ, ông Lý Khánh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 20 phút, ngày 06/4/2024 Trần Văn H3, Lê Trung K, Phùng Huy Đ, Nguyễn Lý S và một số người không biết tên địa chỉ cụ thể đến nhà của Nguyễn Trường K1 chơi và tổ chức nhậu. Trong lúc nhậu thì K1 có nhắc đến việc H3 cho người đánh Liêu Thanh P, thì giữa H3 và K1 xảy ra cự cãi nên H3 bỏ đi về nhà. Trước khi về thì H3 hẹn P, K1 ra cầu T đường V, Khóm I, Phường C, thành phố S để chém nhau. Sau khi ra về thì H3 gọi điện thoại cho Lâm Văn G, Phan Nguyễn Hữu Đ1 để tiếp H3 đi chém nhau với nhóm của K1 và lúc này G rủ thêm Dương Trung T1. Sau đó K và khoảng 05 người khác (không biết tên địa chỉ cụ thể) biết sự việc H3 và K1 hẹn chém nhau nên đi đến cầu T để tiếp H3. Khi đi tất cả đi bằng xe mô tô và mỗi người đều cầm theo dao là hung khí nguy hiểm mục đích vào chém nhau với nhóm của K1 và P. Khi đến điểm hẹn, H3 nhiều lần gọi điện cho K1 nhưng K1 không ra, lúc này có Lâm Minh N2, Thái Bạch N3, Đinh Công B, Lý Khánh H2 đến khuyên ngăn và kêu nhóm H3 đi về nhưng H3 không đồng ý mà cùng cả nhóm cầm theo dao đi đến nhà của K1, tại số I, đường V, Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tìm K1, P để chém. Khi đi đến đầu hẻm I, thì nhóm của H3 đậu xe phía ngoài, H3 cùng với Đ1, G, T1 và 07 người thanh niên (không biết tên và địa chỉ cụ thể) cầm theo hung khí, đi bộ vào trong hẻm, còn K thì đứng ở đầu hẻm. Khi nhóm H3 đến trước nhà của K1, thì K1 chạy vô trước sân, lấy một cây dao phông lợn cầm trên tay, thấy vậy nên Liêu Thanh P, Lương Hoàng N, Hình Quang H4, Tống Trường L1, Võ Phương H5, Lâm Phương A và khoảng hơn 5 người khác (không biết tên và địa chỉ cụ thể) cùng sử dụng dao phông lợn, súng, gạch, tấn công lại nhóm của H3, hai bên tấn công qua lại, nhóm của K1 tiếp tục rượt đuổi theo nhóm của H3 ra gần đến đầu hẻm I, lúc này K đứng ngoài đầu hẻm I nhìn vào trong hẻm thấy nhóm của H3 bị nhóm của K1 cầm dao phông lợn đuổi theo nên K sử dụng súng (không phải vũ khí quân dụng) bắn về hướng nhóm của K1,

thì nhóm của K1 chững lại không đuổi kịp nhóm của H3, nhóm của H3 lên xe bỏ chạy về hướng đường L, còn K bỏ chạy bộ vào khu vực chòm mã gần đó trốn, nhóm của K1 tiếp tục cầm hung khí chạy bộ thêm một đoạn thì rượt không kịp nên cả nhóm quay về nhà K1. Sau khi về nhà thì Lâm Văn G không đến cơ sở y tế để điều trị, do thương tích nhẹ, không còn để lại dấu vết, G không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và không yêu cầu xử lý người gây thương tích cho G.

Vào ngày 11/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S thi hành lệnh khám xét chỗ ở của Lê Trung K tại nhà số B, đường T, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng phát hiện tại phòng karaoke lầu 4 có 02 (hai) viên nén màu xám - đen, nghi là ma túy nên tiến hành thu giữ và 01 khẩu súng đồ chơi nguy hiểm. K khai nhận: K một mình đi lên Thành phố Hồ Chí Minh để đi giao gà, sau khi giao gà xong thì K đi qua đường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh vào quán cà phê để uống cà phê, địa chỉ cụ thể K không nhớ, lúc này K hỏi mua ma túy của một người nam khoảng 35 tuổi, dáng người ốm cao, khoảng 1m7, tóc vàng, không biết tên, mới gặp lần đầu tiên, mua ma túy với giá 350.000 đồng, mua xong K mang về nhà cất tại phòng của K và K lấy ma túy bỏ một góc để sử dụng và còn lại 02 viên ma túy màu xám đen K cất giấu để tiếp tục sử dụng thì bị bắt.

- Tại Kết luận giám định số: 2716/KL-KTHS ngày 10 tháng 05 năm 2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vỏ đạn đã bắn gửi giám định là vỏ đạn cao su đã bắn được chế tạo, sản xuất công nghiệp cỡ (9x22)mm, xuất xứ Việt Nam, thuộc công cụ hỗ trợ không phải vũ khí quân dụng. Loại đạn này sử dụng để bắn cho một số loại súng công cụ hỗ trợ cỡ 9mm. Sử dụng khẩu súng phù hợp bắn với đạn cao su cỡ (9x22)mm trúng cơ thể người có thể gây thương tích; không nguy hại cho tính mạng của con người, phá hủy kết cấu vật chất tượng tự như đạn quân dụng.

- Tại Kết luận giám định số 168/KLMT-KTHS ngày 24 tháng 08 năm 2024 của Phòng K2 Công an tỉnh S kết luận: Mẫu 02 (hai) viên nén màu xám - đen, không rõ hình, được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,3972 gam loại MDMA.

- Tại Bản Kết luận giám định số 4123/KL-KTHS ngày 20 tháng 09 năm 2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H, giám định về kỹ thuật số và điện tử, hình ảnh kết luận:

+ Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung đối với sáu (06) tập tin video gửi giám định bao gồm: 02 tập tin video cần giám định ký hiệu A1, A2 và 04 tập tin video so sánh ký hiệu từ M1 đến M4.

+ Hình ảnh người nam tại vị trí thứ ba bên phải hướng từ ngoài nhìn vào màn hình, mặc áo khoác dài tay màu xanh, mặc quần ngắn ngang đầu gối màu xanh, đeo khẩu trang màu xanh, đội nón kết, trên tay cầm một vật nghi là súng được ghi nhận vào lúc 16 giờ 59 phút 45 giây ngày 06/04/2024 trong tập tin video có tên “5326246628205 h 91 l.mp4” ký hiệu AI so với hình ảnh so sánh

đứng tên Lương Hoàng N trong tập tin video mẫu có tên “5594703026817.mp4” ký hiệu M3 là của cùng một người.

+ Không đủ cơ sở kết luận vật mà đối tượng cầm trên tay là vật gì. Không đủ cơ sở kết luận vật này là súng hay không và là súng gì.

+ Hình ảnh người nam tại vị trí thứ hai hướng từ ngoài nhìn vào màn hình, mặc áo khoác dài tay màu xanh, mặc quần ngắn ngang đầu gối màu xanh, đeo khẩu trang màu xanh, đội nón kết, trên tay cầm một vật nghi là súng được ghi nhận vào lúc 17 giờ 12 phút 38 giây ngày 06/04/2024 trong tập tin video có tên “5326247548619.mp4” ký hiệu A2 so với hình ảnh so sánh đứng tên Lương Hoàng N trong tập tin video mẫu có tên “5594703026817.mp4” ký hiệu M3 là của cùng một người.

- Tại Bản Kết luận giám định số 5830 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng, không có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao. Không đủ cơ sở xác định khẩu súng gửi giám định được chế tạo, sản xuất thủ công hay công nghiệp và theo tiêu chuẩn nào.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào:

Điều c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 56, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Trung K.

Điều b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Hoàng N.

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Trung K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Lương Hoàng N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Lê Trung K 2 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 10/8/2024.

Xử phạt bị cáo Lương Hoàng N 2 (hai) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 26 tháng 02 năm 2025, bị cáo Lương Hoàng N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình có công cách mạng, bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự.

* Ngày 28 tháng 02 năm 2025, bị cáo Lê Trung K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình có ông ngoại Phạm Hồng V là liệt sĩ.

* Ngày 05/3/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSTPST, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Lương Hoàng N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N giữ nguyên đơn kháng cáo. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không rút quyết định kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Hoàng N trình bày: Việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là không có cơ sở, vì tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thừa nhận có mặt tại hiện trường, bị cáo đi theo đề khuyến can K1, cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có thành khẩn. Sau khi đọc bản án sơ thẩm, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, bị cáo thừa nhận có chạy theo nhóm K1 để đánh lại nhóm H3, nên kháng nghị về không áp dụng tình tiết theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng. Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công cách mạng, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo phạm tội là do bất bình việc bạn của bị cáo bị tấn công. Bị cáo có người thân trong gia đình có công cách mạng nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Lê Trung K phạm các tội “Gây rối trật tự công cộng”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lương Hoàng N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Lê Trung K các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lương Hoàng N tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo K có cung cấp tình tiết người nhà có công cách mạng, đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên đề nghị xem xét cho bị cáo, tuy nhiên xét thấy khi lượng hình cấp sơ thẩm đã cân nhắc vai trò của bị cáo so với các bị cáo khác và xét thấy mức hình

phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với mức độ phạm tội bị cáo gây ra nên đề nghị xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K.

Đối với bị cáo N, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì phải thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng xét thấy vụ án này bị cáo N không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Xét tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã ăn năn và có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị tăng mức án nhẹ hơn mức đề nghị của quyết định kháng nghị. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt từ 02 đến 04 tháng tù đối với bị cáo Lương Hoàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là đúng quy định về người kháng nghị, thời hạn, hình thức và nội dung kháng nghị theo quy định tại các điều 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, căn cứ Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[2] Về tội danh áp dụng đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, có căn cứ xác định vào ngày 06/4/2024, Nguyễn Trường K1 và Trần Văn H3 có xảy ra mâu thuẫn, nên H3 hẹn K1 ra chém nhau để giải quyết mâu thuẫn. Nhóm của H3 gồm có: H3, Lâm Văn G, Phan Nguyễn Hữu Đ1, Dương Trung T1, Lê Trung K và một số người khác chưa rõ họ tên, còn nhóm của K1 gồm có K1, Hình Quang H4, Tống Trường L1, Liêu Thanh P, Lương Hoàng N và một số người khác chưa rõ họ tên. Nhóm của H3 có mang theo hung khí là dao tự chế, còn K1 thì đi theo sau và có đem theo khẩu súng thể thao để đi đến nhà của K1 tại số I đường V, Khóm I, Phường C, thành phố S, khi đến đầu hẻm thì gặp nhóm của K1 cầm dao phóng lộn, gạch ống, rượt đuổi nhóm H3 ra đầu hẻm. Cả hai nhóm cầm hung khí, súng, gạch, la hét, rượt đuổi nhau qua lại, gây mất an ninh trật tự tại khu vực Hẻm I và gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N đã cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[3] Ngoài ra, ngày 11/8/2024 khi Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của bị cáo Lê Trung K phát hiện tại phòng karaoke lầu 4 có 02 (hai) viên nén màu xám

- đen, theo kết luận giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,3972 gam loại MDMA. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng của bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lương Hoàng N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng:

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo N không thừa nhận hành vi phạm tội, chưa thể hiện sự ăn năn, hối cải và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo chỉ thừa nhận có đi theo nhóm K1, nhưng chỉ để can ngăn, nên việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là chưa đúng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Hoàng N là có cơ sở chấp nhận. Về vai trò của bị cáo N trong vụ án, giữa bị cáo N với K1 và những người khác của nhóm K1 không có sự bàn bạc trước nhưng bị cáo đã tiếp nhận ý chí của nhóm K1 cùng rượt đuổi nhóm H3. Bị cáo N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo N có cha ông Lương Văn D và bà nội là bà Đào Thị T2 là người có công với cách mạng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bổ sung cho bị cáo N. Do cấp phúc thẩm không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần tăng mức hình phạt của bị cáo theo mức đề nghị khởi điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với đặc điểm nhân thân, vai trò của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo Lương Hoàng N về giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Trung K:

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo có ông ngoại Phạm Hồng V là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo có bà cố ngoại là bà Nguyễn Thị N4 là bà mẹ Việt Nam anh hùng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Trung K 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 4 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù là tương xứng với đặc điểm nhân thân, vai trò của

bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K là chưa đúng, cấp sơ thẩm cũng chưa áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo K nên cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của người bào chữa; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào Điều 356 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N; sửa một phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lương Hoàng N của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Lương Hoàng N.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N về việc giảm nhẹ hình phạt.

Giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Trung K. Sửa một phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lương Hoàng N của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 55, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Trung K.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Hoàng N.

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Trung K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Lương Hoàng N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Lê Trung K 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 10/8/2024.

Xử phạt bị cáo Lương Hoàng N 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc các bị cáo Lê Trung K, Lương Hoàng N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQCSĐT-Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Tấn Vinh